TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **61**/2019/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 16 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 45/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa:

*Nguyên đơn***:** Bà **Nguyễn Thị Bé L**, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 07, phường K, quận N, thành phố Đ.

Bị đơn: Ông **Trương Đức V**, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 07, phường K, quận N, thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1992 và ông Trương Đức V, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé L và ông Trương Đức V thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao con Trương Tấn T, sinh ngày 21/3/2013 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con Trương Thanh T, sinh ngày 10/5/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào

Ly hôn các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ bà L tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà L đã nộp theo biên lai thu số 0009547 ngày 09/5/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận N, thành phố Đ.

Hoàn trả cho bà L 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Q.N;
- UBND xã T, huyện H,
thành phố H
(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2013,
quyển sổ số 01/2013, đăng ký ngày 01/3/1993).
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Công Hoan